

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2021/ DS-PT

Ngày: 11 – 11 – 2021

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp
Ông Trần Quốc Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021, về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 8, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 07-10-2020); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1942; địa chỉ: Tổ 24, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 8, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 24, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Anh Trần Ngọc H2, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 24, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.4. Chị Trần Thị Bích H3, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.5. Chị Tô Kim L1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 24, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.6. Chị Lương Huỳnh H4, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 24, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông L, bà H, chị L1: Anh Trần Ngọc H2, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 24, ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; (theo văn bản ủy quyền ngày 12-12-2020); có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông Nguyễn Hùng C – Ng đơn;

4.2. Ông Trần Ngọc L – Bị đơn.

4.3. Bà Huỳnh Thị H, anh Trần Ngọc H2, chị Trần Thị Bích H3, chị Lương Huỳnh H4, chị Tô Kim L1 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C và đại diện ủy quyền của ông C là bà Nguyễn Thanh Ng trình bày:

Ông C có 01 phần đất diện tích 553 m², thửa số 3549, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 28-6-2005. Đến tháng 02 năm 2017, ông Trần Ngọc L là chủ đất giáp ranh với đất ông C có xây hàng rào lấn sang đất của ông C với diện tích lấn khoảng 21 m². Sau khi đo đạc xác định ranh thì các bên có lập biên bản, gia đình ông L cũng thừa nhận và cam kết hứa nếu sau này gia đình ông C cần sử dụng diện tích đất trên thì gia đình ông L trả lại đúng như hiện trạng ban đầu và tự đập bỏ hàng rào không bồi thường.

Nay ông C có nhu cầu sử dụng phần đất trên, nhưng ông L không đồng ý trả phần đã lấn chiếm, ông C khởi kiện yêu cầu gia đình ông L có trách nhiệm trả lại diện tích (đo đạc thực tế) là 29,5 m².

- Bị đơn ông Trần Ngọc L và đại diện ủy quyền của ông L là anh Trần Ngọc H2 trình bày:

Đất gia đình ông L đang ở hiện ông C tranh chấp là gia đình ông mua của bà Nguyễn Thị G, chiều ngang 08m, dài 39,5m, diện tích 316 m², thửa số 3243, tờ bản đồ số 05 đã được cấp GCNQSDĐ ngày 29-9-2004. Năm 2017, ông L xây tường rào, bà Ng (vợ ông C) tranh chấp cho rằng gia đình ông xây dựng lấn sang đất của ông C diện tích khoảng 21 m², lúc đó con trai ông L là anh Trần Ngọc H2 đang công tác tại xã BG (vì không muốn bắt hòa) đã ký biên bản thừa nhận là có sử dụng dư diện tích 21 m² nhưng thời gian gần đây thì bà Ng có đề nghị gia đình thương lượng trả cho bà Ng số tiền 40.000.000 đồng, tương đương giá trị đất tranh chấp, ông không đồng ý trả.

Nay ông khẳng định gia đình ông không lấn đất của ông C và sử dụng đúng diện tích đất đã mua nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Ng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thanh Ng trình bày: Bà là vợ cũ của ông C, sau khi ly hôn năm 2011 thì nhà đất ông C giao cho bà quản lý, sử dụng nhưng ông C còn đứng tên, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông C.

Anh Trần Ngọc H2 trình bày: Anh là con ruột của ông Trần Văn L và bà Huỳnh Thị H, hiện phần đất trên được cấp cho hộ gia đình anh. Anh vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên và với tư cách là đại diện ủy quyền của ông L, bà H, chị L1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C, không bổ sung gì thêm.

Chị Trần Thị Bích H3 trình bày: Chị là con ruột của ông Trần Văn L và bà Huỳnh Thị H, hiện phần đất trên được cấp cho hộ gia đình chị, hiện chị vẫn còn hộ khẩu chung với ba mẹ chưa chuyển, hiện tại chị đã lập gia đình đang sống tại thị trấn Châu Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị khẳng định ranh đất giữa các bên sử dụng là đúng từ xưa giờ, tường rào gia đình chị xây và diện tích đất sử dụng hiện tại là đúng không dư nhưng tình làng nghĩa xóm chị không muốn có mâu thuẫn tranh chấp và giữ sức khỏe cho ba, mẹ nên chị đồng ý bồi thường theo giá nhà nước quy định.

Chị Lương Huỳnh H4 trình bày: Chị là cháu ông L, chị chuyển đến sống chung với gia đình ông L vào năm 2016, đã nhập vào hộ khẩu nhà ông L. Việc tranh chấp ranh đất của ông C và bà Ng với ông L thì chị không biết, chị không liên quan đến phần đất tranh chấp trên.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166, 174, 175 và 176 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 100, 166 và 203 Luật Đất đai; Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội...

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hùng C đối với hộ ông Trần Ngọc L.

- Buộc hộ ông Trần Ngọc L có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hùng C số tiền 36.875.000 (ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

- Giữ nguyên hiện trạng đất và hàng rào xây của hộ gia đình ông L.

- Giao lại phần diện tích đất là 29,5 m² tại thửa số 3549, tờ bản đồ số 05. Tù cận (kèm theo sơ đồ đất) cho hộ ông Trần Ngọc L.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16-6-2021, bị đơn kháng cáo, không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 28-6-2021, nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu bị đơn trả đất không nhận giá trị.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo vì không lấn đất, sử dụng đúng vị trí.

* Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nhưng tính án phí không đúng theo điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm phần nội dung, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách của đương sự: Cấp sơ thẩm đưa tất cả những người trong hộ khẩu gia đình ông L tham gia tố tụng với tư cách là hộ gia đình là không đúng, vì đất tranh chấp nằm trong giấy của nguyên đơn. Do đó, cấp phúc thẩm xác định lại trong vụ án này ông L là bị đơn. Bà H, anh H2, chị H3 là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị L1, chị H4 không liên quan trong vụ án này. Tuy nhiên, chị L1, chị H4 có ký đơn kháng cáo nên cấp phúc thẩm phải xem xét, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.3] Chị H3, chị H4 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hùng C khởi kiện cho rằng ông Trần Ngọc L đã xây tường rào lấn sang đất của ông diện 29,5 m². Ông C yêu cầu ông L tháo dỡ tường rào trả lại diện tích đất trên. Ông L không đồng ý, cho rằng sử dụng đất đúng diện tích, không lấn chiếm đất ông C.

[3] Xét kháng cáo của các bên đương sự thấy rằng:

[3.1] Về chứng cứ: Ông C được sử dụng phần đất diện tích 553 m², thửa số 3549, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, được UBND huyện Châu Thành cấp GCNQSDĐ ngày 28-6-2005. Hộ gia đình ông L sử dụng phần đất giáp đất ông C diện tích 316 m², thửa số 3243, tờ bản

đồ số 05, được cấp giấy CNQSDĐ ngày 29-9-2004, đất tọa L tại ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đối với kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế, sơ đồ, bản vẽ hiện trạng sử dụng đất của Văn phòng Đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Châu Thành số 449/SĐHT ngày 01-12-2020 thể hiện như sau:

Đất ông C sử dụng thửa 3549 diện tích 515,8 m² so với giấy CNQSDĐ thiếu 37,2 m², bà Ng xác định vị trí tranh chấp, sau khi đo đạc hiện trạng, áp bản đồ địa chính xác định đất tranh chấp có diện tích 29,5 m² hiện gia đình ông L đang sử dụng xây tường rào. Hộ ông L sử dụng diện tích 315,6 m² (bao gồm luôn phần đất tranh chấp). Tuy nhiên, ông L sử dụng đất không đúng vị trí được cấp giấy, phần đất tranh chấp nằm trong thửa 3549 của ông C. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông C là có căn cứ nên kháng cáo của ông L, bà H, anh H2, chị H3, chị L1, chị H4 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với kháng cáo của ông C thấy rằng: Mặc dù bị đơn vô tình sử dụng đất không đúng vị trí, đã xây hàng rào kiên cố hơn 2/3 chiều dài đất, khi xây dựng hàng rào bà Ng biết nhưng không phản đối. Cấp sơ thẩm không buộc bị đơn tháo dỡ, di dời hàng rào mà buộc thanh toán giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất 29,5 m² tương đương số tiền 36.875.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông C yêu cầu ông L tháo dỡ, di dời hàng rào trả lại đất là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Ngoài ra, cấp sơ thẩm buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán giá trị quyền sử dụng đất nhưng không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án là thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung quy định này vào bản án sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

- Cấp sơ thẩm buộc ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng và 1.843.700 đồng. Tổng cộng phải chịu 2.143.700 đồng là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/QH...mà ông L chỉ phải chịu số tiền 1.843.700 đồng. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi, tại phiên tòa phúc thẩm có đơn đề nghị miễn án phí, nhận thấy đề nghị của ông L là phù hợp tại

điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông L.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm; sửa bản án sơ thẩm về án phí là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[7]. Về chi phí tố tụng: Ông L, bà H, anh H2, chị H3 phải chịu số tiền 4.193.000 đồng về khoản chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp, số tiền này ông C đã thanh toán xong nên ông L, bà H, anh H2, chị H3 phải thanh toán lại cho ông C.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- Ông L được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C, bị đơn ông Trần Ngọc L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H, anh Trần Ngọc H2, chị Trần Thị Bích H3, chị Lương Huỳnh H4, chị Tô Kim L2.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 15 – 6 – 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai; Điều 144, 147, 158, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hùng C đối với Trần Ngọc L, bà Huỳnh Thị H, anh Trần Ngọc H2, chị Trần Thị Bích H3.

1.1. Giao ông Trần Ngọc L, bà Huỳnh Thị H, anh Trần Ngọc H2, chị Trần Thị Bích H3 được quyền sử dụng diện tích đất 29,5 m² trong thửa 3549, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp BC, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; tứ cận như sau: Đông giáp đất bà Chấn dài 1,3 m; Tây giáp đường nhựa dài 0,21 m; Nam giáp đất ông C dài 39,03 m; Bắc giáp đất ông L dài 39,50 m, trên đất có tường rào của gia đình ông Trần Ngọc L (*Kèm theo sơ đồ đất*).

1.2. Buộc ông Trần Ngọc L, bà Huỳnh Thị H, anh Trần Ngọc H2, chị Trần Thị Bích H3 có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất diện tích 29,5 m² đất trong thửa số 3549, tờ bản đồ số 05 cho ông Nguyễn Hùng C số tiền 36.875.000 (ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Các bên đương sự có nghĩa vụ đến các cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với diện tích đất sử dụng.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Trần Ngọc L, bà Huỳnh Thị H, anh Trần Ngọc H2, chị Trần Thị Bích H3 phải thanh toán lại cho ông Nguyễn Hùng C số tiền 4.193.000 (bốn triệu một trăm chín mươi ba nghìn) đồng chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Ông Trần Ngọc L được miễn án phí.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Hùng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo Biên lai thu số 0007609 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm

- Ông C phải chịu 300.000 đồng khấu trừ tiền tạm ứng án phí (bà Ng đã nộp thay) 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007478 ngày 28- 6- 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ông C nộp đủ án phí.

- Ông Trần Ngọc L được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007489 ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm